

DINH LONG HỒ VÀ VAI TRÒ KẾT NỐI KINH TẾ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG DƯỚI THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

Bùi Hoàng Tân (*)

Tóm tắt: Nghiên cứu quá trình khai khẩn và định hình của vùng Dinh Long Hồ sẽ làm sáng tỏ cội nguồn gần 300 lịch sử hình thành của một vùng đất quan trọng ở Nam Bộ. Qua đó còn góp phần nhận thức sâu sắc hơn và tôn vinh công lao to lớn của biết bao thế hệ lưu dân người Việt trên vùng đất này trong buổi đầu khai hoang mở cõi. Hơn thế nữa, vùng đất Dinh Long Hồ nằm ở vị trí trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long với thế mạnh về nông nghiệp đã trở thành mắc xích quan trọng trong việc gắn kết với hai vùng thương mại Mỹ Tho và Hà Tiên của người Hoa tạo nên mạng lưới kinh tế hàng hóa ở Nam Bộ vào các thế kỉ XVII – XVIII. Chính vì thế, việc nghiên cứu này sẽ góp phần tìm ra các giá trị tiềm năng cần được phát huy trong sự định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của Vĩnh Long nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Từ khóa: Dinh Long Hồ, kinh tế hàng hóa, đồng bằng sông Cửu Long

1. Đặt vấn đề

Công cuộc khai khẩn vùng đất Nam Bộ đã cho giúp các chúa Nguyễn tìm được một lối thoát khỏi sức ép của chính quyền Đàng Ngoài nhằm tạo nên một vùng cát cứ cho riêng mình. Bên cạnh đó, những hệ quả từ công cuộc mở đất ở Nam Bộ nói chung và trường hợp Dinh Long Hồ nói riêng cũng đem lại những thành quả hết sức to lớn, thúc đẩy tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. Vùng đất Dinh Long Hồ được khai phá không chỉ góp phần tạo động lực mới thúc đẩy sự thay đổi diện mạo kinh tế, xã hội, văn hóa nơi đây mà còn thể hiện được vai trò là cầu nối kinh tế cho cả đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời còn ghi nhận được công lao to lớn và vai trò quan trọng của các thế hệ lưu dân người Việt đã dày công xây dựng Dinh Long Hồ phát triển vững mạnh với đầy đủ sắc thái của một đô thị lớn, một thủ phủ của Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn. Quá trình khai mở và thành lập Dinh Long Hồ vào năm 1732 đã gắn liền với quá trình xác lập chủ quyền của chính quyền chúa Nguyễn, đặc biệt là việc sáp nhập vùng đất Tầm Phong Long thuộc quyền quản lý của Dinh Long Hồ năm 1757 là dấu mốc đánh dấu sự hoàn tất công cuộc mở đất về phía Nam của các chúa Nguyễn nói riêng và hoàn thiện quá trình định hình lãnh thổ Đại Việt nói chung sau gần tám thế kỷ. Như vậy, với việc soi rọi vấn đề mở mang lãnh thổ về phía nam của quốc gia Đại Việt dưới góc nhìn từ lịch sử của quá trình khẩn hoang và phát triển kinh tế của Dinh Long Hồ sẽ có ý nghĩa thiết thực trong việc ghi nhận chặng đường gần 300 năm hình thành và phát triển của một vùng đất. Đồng thời việc nghiên cứu này còn vạch ra các giá trị tiềm năng và nguồn lực cần được phát huy trong sự định hướng phát triển của Vĩnh Long nói riêng và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1 Khái quát về vùng đất Dinh Long Hồ trước khi các chúa Nguyễn vào Nam

Trước khi các chúa Nguyễn thực hiện quá trình Nam tiến để khai phá Nam Bộ thì nơi đây đã từng tồn tại một quốc gia cổ với nền văn hóa phát triển rực rỡ, đó là vương quốc Phù Nam vào khoảng đầu công nguyên ở khu vực hạ lưu sông Mekong. Theo các thư tịch cổ ghi lại, lãnh thổ của vương quốc Phù Nam khá rộng, kiểm soát đến cả vùng đất Nam Trung Bộ, phía Tây đến thung lũng sông Mê Nam của Thái Lan, phía Nam đến bắc của bán đảo Malaysia. Đến khoảng cuối thế kỉ VII, vương quốc Phù Nam bị sụp đổ và bị sáp nhập vào lãnh thổ của Chân Lạp.

(*) Thạc sĩ, Đại học Cần Thơ. SĐT: 01667700588 Email: bhtan@ctu.edu.vn

Cư dân chủ yếu ở Nam Bộ lúc bấy giờ là người Khmer – họ là những lớp cư dân thứ hai sau những lớp cư dân sáng tạo nên nền văn hóa Óc Eo để tiếp tục khai phá vùng đất Nam Bộ, thông qua di tích Thành Mới (huyện Vũng Liêm) có niên đại đầu công nguyên là một trong tổng thể các di chỉ văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ đã nói lên sự hiện diện của con người thời cổ nơi đây. Phần lớn người Khmer ở đây là những lưu dân nghèo khổ hoặc lánh nạn binh đao từ Xiêm La đã lưu lạc đến vùng đất mới này. Tuy nhiên với lượng dân cư còn quá ít và trình độ kỹ thuật còn thấp nên quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ của cư dân nơi đây chưa có sự chuyển biến lớn, đặc biệt là các vùng trũng và sinh lầy còn khá hoang sơ.

Ngày nay trên địa phận tỉnh Vĩnh Long, những di tích cổ vẫn còn sót lại như di tích ao hồ ở Vĩnh Thành (Vĩnh Xuân – Trà Ôn), di tích thành cổ giữa xã Trung Hiệp và xã Trung Hiếu (Vũng Liêm – Vĩnh Long)... là những bằng chứng về một nền văn hóa cổ hưng thịnh đã từng tồn tại vào những thế kỷ đầu công nguyên. Tuy nhiên trải qua thời gian dài do tác động của những đột biến về địa lý – sinh thái và kinh tế - xã hội, đặc biệt là những lần biến tiến, biến lùi vào đầu thế kỷ VII đã góp phần làm cho nền văn hóa cổ nơi đây rơi vào cảnh suy tàn, đồng thời cũng làm cho vùng Dinh Long Hồ trở nên hoang vu. Khoảng vào đầu thế kỷ XVIII, vùng đất này được khai phá tuy có phần muộn hơn so với vùng Mỹ Tho, Gia Định nhưng lại là vùng định cư và khai khẩn của lưu dân người Việt khá sớm. Dinh Long Hồ là vùng đất khá màu mỡ bởi phù sa của sông Cổ Chiên và sông Hậu thường xuyên bồi đắp, nước ngọt quanh năm cùng với quá trình cộng cư khai phá của các lưu dân người Việt và cư dân người Khmer nên đã nhanh chóng khai phá nơi đây thành vùng trù phú về nông nghiệp và đủ khả năng cung cấp lương thực thực phẩm cho đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, vùng đất Dinh Long Hồ không chỉ có vị trí trung tâm của đồng bằng mà còn là thủ phủ của vùng đất phía nam sông Tiền lúc bấy giờ.

2.2 Tiến trình khai khẩn vùng đất Dinh Long Hồ

Từ khoảng thế kỷ XVII, tình hình chính trị ở hai Đàng Trong và Đàng Ngoài của Đại Việt lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Hoàn cảnh lịch sử đó đã đẩy người nông dân vào cảnh bần cùng, buộc họ phải rời bỏ quê hương đi tìm kiếm vùng đất mới bình yên cho cuộc sống. Vùng đất hoang sơ Dinh Long Hồ đã trở thành nơi định cư và khai khẩn của các lưu dân người Việt từ rất sớm vào khoảng thế kỷ XVIII. Cũng chính trên vùng đất này đã lưu lại dấu ấn quan trọng của lưu dân người Việt góp phần định hình và phát triển cho đồng bằng sông Cửu Long.

Thành phần cư dân khai hoang chủ yếu là các lưu dân người Việt từ Gia Định – Mỹ Tho hoặc Đàng Ngoài vào. Như vậy, khi các lưu dân người Việt vào vùng đất này khai phá đã hình thành nên hai khu vực khai khẩn: một của cư dân người Khmer và một của lưu dân người Việt. Vùng khai khẩn của các lưu dân người Việt trải dài từ phần đất tiếp giáp với Mỹ Tho thẳng đến vùng biên giới Việt Nam – Chân Lạp tạo nên vòng cung Bến Tre, Vĩnh Long lên tận Sa Đéc, Tân Châu, Châu Đốc. Phần lớn khu vực khai khẩn thường là dọc theo các sông rạch, vùng cửa sông, các cù lao, hoặc là các vùng xung quanh các đồn trại, các lý sở hành chính như *Chợ Thủ, Rạch Ông Chưởng, Sa Đéc, Cù lao Dao Chiêu, Hùng Thắng, Hùng Ngự, Vũng Liêm, Láng Thê, Cồn Chung, Lấp Vò (Cường Oai), Trà Ôn, Cù lao Tân Định, Bãi Ngao, Cái Lóc, Thanh Hải, Thâm Trừng, Chát Tiên...* ngoài trừ những vùng hẻo lánh, sát biển hoặc là các khu vực có nhiều rừng rậm còn khó khai phá” [Huỳnh Lúa, 1987], đây chính là các cơ sở xã hội để các chúa Nguyễn thành lập ba đạo Tân Châu ở Tiền Giang, Châu Đốc ở Hậu Giang và Đông Khẩu ở Sa Đéc về sau. Đặc biệt là đất đai ở lưu vực sông Tiền, nơi có nhiều giồng đất cao và ruộng tốt, ở giữa sông có nhiều cù lao do phù sa bồi tụ nên đất đai khá phì nhiêu như *Cù lao Bảo có 8 giồng, Cù lao Minh có 11 giồng đất* [Đỗ Quỳnh Nga, 2013] và ngay gần dinh Long Hồ có *Cù lao Dài có chu vi đến 30 dặm (1 dặm = 1080 thước = 216 tấc = 432m, như vậy 30 dặm = 12960m)* [Trịnh Hoài Đức, 1999] đã thành lập được 5 thôn vào đầu thế kỷ XIX. Chính vì nơi này có điều kiện khá thuận lợi nên các lưu dân người Việt dễ dàng khai phá và canh tác nông nghiệp từ rất sớm.

Về diện tích khẩn hoang ở Dinh Long Hồ “vào khoảng những năm 70 của thế kỷ XVIII, châu Định Viễn có ruộng đất 7000 sớ”. Số liệu này chỉ mang tính tương đối bởi đơn vị “sớ” còn khá mơ hồ bởi theo *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* thì đơn vị *Sớ* dùng để chỉ *Sớ đất*: một chỗ đất lớn; chỉ *Sớ ruộng*: một phần ruộng lớn; chỉ *Sớ vườn*: một ngôi vườn lớn [Huỳnh Tịnh Paulus Của, 1895]. Qua số liệu đó cũng phần nào được hình ảnh về tình hình khẩn hoang vùng Dinh Long Hồ trong thế kỉ XVIII đã có nhiều chuyển biến mới so với trước tuy vẫn còn khá chậm chạp và khu vực khai khẩn còn lẻ tẻ nên chưa thể hình thành nên những khu vực canh tác liên hoàn như ở vùng Mỹ Tho hay Gia Định.

Việc khai phá vùng đất mới Dinh Long Hồ của lưu dân người Việt thường diễn ra theo hai hình thức: *một là*, các lưu dân người Việt tự động khẩn hoang; *hai là*, chính quyền chúa Nguyễn sử dụng binh lính đồn trú khai khẩn và chiêu mộ dân đến lập đồn điền khai hoang. Trong đó, hình thức tự khai khẩn của lưu dân người Việt là chủ yếu, theo tập thể nhỏ gồm nhiều gia đình có quan hệ họ hàng với nhau, hoặc cùng quê hương xứ sở, hoặc cùng một đoàn thể đạo giáo. Khai khẩn theo phương thức móc lõm ở những khu vực nhất định nhưng do điều kiện còn thiếu thốn về lương thực, vốn, nông cụ, trâu bò... nên họ chỉ khai phá được những diện tích đất đai với quy mô nhỏ. Nhằm thu hút các lưu dân đến khai phá và thúc đẩy hơn nữa quá trình khẩn hoang vùng Dinh Long Hồ, các chúa Nguyễn không những cho phép lưu dân tự do khai khẩn đất hoang để cày cấy mà còn khuyến khích mộ dân lập đồn điền khẩn hoang lập ấp bằng các biện pháp như cho phép lưu dân được tự do lựa chọn nơi ăn chốn ở, lựa chọn vùng khai khẩn, song song đó các chúa Nguyễn cũng thu thuế rất nhẹ để động viên tinh thần của họ. Do đất đai vùng này khá rộng lớn và trong thực tế rất khó quản lý chặt chẽ, các chúa Nguyễn đã cho áp dụng một thiết chế quản lý hành chính và kinh tế lỏng lẻo nhằm tạo điều kiện cho bộ phận ruộng đất tư hữu phát triển mạnh. Đây chính là bộ phận quan trọng đẩy mạnh quá trình khẩn hoang và tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn, làm tiền đề cho sự hình thành và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nông nghiệp nơi đây khá sớm so với các khu vực khác như Mỹ Tho, Hà Tiên.

Hình thức khai khẩn do các chúa Nguyễn quản lý chủ yếu sử dụng binh lính khai phá ở các khu vực đồn trú, lập đồn điền vừa khai hoang mở rộng diện tích canh tác, vừa giữ an ninh sau đó các đồn điền quân sự này dần được dân sự hóa thành các thôn ấp hòa chung với cộng đồng nông thôn. Ở Dinh Long Hồ, các địa điểm đồn trú được thiết lập khá nhiều như *Chợ Thủ, Vũng Liêm, Cù lao Dao Chiêu, Hùng Thắng, Trà Ôn, Cù lao Tân Dinh, Bãi Ngao, Láng Thê, Cần Chung, Lập Vô, Cái Lóc, Thanh Hải, Thâm Trừng, Chát Tiên... đất đai chung quanh các đồn binh này đều được khai khẩn* [Đỗ Quỳnh Nga, 2013]. Hình thức khai khẩn này đã được sử dụng ngay từ buổi đầu nhằm đáp ứng yêu cầu vừa khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác, vừa phục vụ cho mục đích bảo vệ chủ quyền và ngăn chặn được các thế lực bên trong cũng như bên ngoài gây bất ổn ở khu vực này.

Trên danh nghĩa, vùng Dinh Long Hồ lúc bấy giờ (tức trước năm 1732) vẫn chưa thuộc quyền quản lý của các chúa Nguyễn, chưa thiết lập được bộ máy hành chính nơi đây nhưng thực tế các chúa Nguyễn đã có những hoạt động khai phá nhất định đối với vùng đất này. Việc thiết lập chính quyền ở vùng đất Dinh Long Hồ nhằm củng cố sức mạnh quyền lực và bảo vệ thành quả khẩn hoang là vấn đề hết sức cần thiết nhưng các chúa Nguyễn vẫn cần hội tụ đầy đủ các điều kiện phù hợp. Tháng 4 năm 1731, người Lào và người Chân Lạp do Sá Tốt cầm đầu đã tiến hành nổi loạn cướp phá Gia Định. Chúa Nguyễn đã cho quân trấn dẹp vào tháng 4 năm 1732. Nặc Tha (con vua Chân Lạp) đã nhượng hai phần đất *Mésa* và *Longhor* [Đỗ Quỳnh Nga, 2013] (*Mésa*: chỉ vùng Mỹ Tho, còn *Longhor* chỉ vùng Vĩnh Long thời bấy giờ) cho chúa Nguyễn. Sự tiếp nhận hai phần đất này đã tạo ra một thời cơ hết sức thuận lợi để chúa Nguyễn chính thức hợp pháp hóa chủ quyền của mình đối với vùng đất Dinh Long Hồ nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Dinh Long Hồ được xem là phen giậu của chính quyền chúa Nguyễn ở đồng bằng sông Cửu Long bởi “đây là vùng có dãy sông lớn ôm quanh, giữ thế quan yếu, đúng là phen giậu vững vàng của thành Gia Định, không chế Cao Miên, hai con sông lớn (tức sông Tiền và sông Hậu) chen chỗ hiểm, giao thông đường thủy hết sức tiện lợi, ruộng vườn cũng rất tốt tươi” [Trịnh Hoài Đức, 1999]. Vì thế, chúa Nguyễn Phúc Chú đã cho thành lập đơn vị hành chính Dinh Long Hồ, sự kiện này được ghi lại như

sau: “Năm 1732, thấy địa thế Gia Định rộng rãi, bèn chia đất Tây Nam Phiên Trấn, đặt châu định Viễn, dựng dinh Long Hồ, vẫn lệ thuộc vào phủ Gia Định” [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992]. Lý sơ ban đầu của Long Hồ dinh đặt tại thôn An Bình Đông, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường, còn gọi là dinh Cái Bè (nay thuộc Tiền Giang). Năm 1757, khi tình hình biên giới được ổn định thì lý sở Dinh Long Hồ dời về xứ Tầm Bào (ấp Long An, thôn Long Hồ thời chúa Nguyễn, tức là thành phố Vĩnh Long – tỉnh Vĩnh Long ngày nay). Năm 1779, chúa Nguyễn cho đổi Dinh Long Hồ thành Dinh Hoàng Trấn và lý sở cho dời về bãi Bà Lúa (trên cù lao Tân Minh) thuộc Tuân Nghĩa, phủ Lạc Hóa. Đến năm 1780, chúa Nguyễn lại cho đổi Dinh Hoàng Trấn thành Dinh Vĩnh Trấn và lý sở lại dời trở về thôn Long Hồ như cũ. Đến năm 1732, ở Nam Bộ đã có phủ Gia Định cùng với Dinh Trấn Biên và Dinh Phiên Trấn nay lại có thêm Dinh Long Hồ. Với phương châm “*dân đi trước, nhà nước theo sau*”, các chúa Nguyễn đã từng bước mở đất, khai phá các vùng đất hoang hóa để xây dựng xóm làng, thôn ấp, tiến tới thiết lập các đơn vị hành chính các cấp để quản lý và bảo vệ thành quả khẩn hoang.

Dinh Long Hồ khi mới thành lập nằm giữa sông Tiền và nam sông Hậu (bao gồm các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và một phần Đồng Tháp ngày nay). Năm 1757, địa giới của Dinh Long Hồ được mở rộng hơn thông qua sự kiện Nặc Tôn (Nặc Ong Ton) dâng vùng đất *Tầm Phong Long* (xác định vùng đất này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, theo Trịnh Hoài Đức: “vùng đất trải dài từ Châu Đốc qua Sa Đéc xuống tận bãi biển Bạc Liêu” [Trịnh Hoài Đức, 1999], còn ý kiến của Giáo sư Vũ Minh Giang cho rằng đây là vùng Tứ giác Long Xuyên) cho chúa Nguyễn để tạ ơn việc sắc phong Phiên Vương. Sự kiện này đã đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình khai hoang và xác lập chủ quyền hoàn toàn của chúa Nguyễn đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và vùng đất Nam Bộ nói chung. Nhằm góp phần bảo vệ cho vùng Dinh Long Hồ thêm được an toàn, chúa Nguyễn còn cho lập ra ba đạo được bố trí theo vị trí “*đặt đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, đều lệ thuộc vào dinh Long Hồ*” [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992]. Về địa danh Tiền Giang và Hậu Giang được đề cập ở đây chính là sông Tiền và sông Hậu chứ không phải là tỉnh Tiền Giang và tỉnh Hậu Giang ngày nay. Vùng đất Dinh Long Hồ ngày càng được mở rộng thông qua con đường khẩn hoang một cách hòa bình của các thế hệ lưu dân người Việt, bao gồm đất đai nơi có trụ sở dinh Long Hồ và phần đất của các châu, đạo như: châu Định Viễn, đạo Đông Khẩu (Sa Đéc), đạo Tân Châu (Tiền Giang), đạo Châu Đốc (Hậu Giang). Có thể hình dung phần đất thuộc quyền quản lý của dinh Long Hồ lúc bấy giờ là “*Longhor (Vĩnh Long), Mésa (Mỹ Tho), Tầm Bôn (Gò Công), Lôi Lạp (Tân An), Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre), Tầm Phong Long (An Giang, Đồng Tháp) tương ứng với phần lớn đất đai hiện nay của các tỉnh Vĩnh Long, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang*” [Đỗ Quỳnh Nga, 2013], trong đó nòng cốt vẫn là Vĩnh Long.

Bộ máy hành chính tại Dinh Long Hồ được tổ chức theo cơ cấu: Dinh – Châu – Thuộc – Thôn. Dinh là đơn vị tích hợp hành chính và quân sự dưới thời các chúa Nguyễn do lưu thủ, cai bạ và ký lục đứng đầu cai quản. Dưới Dinh là châu (là đơn vị hành chính ở vùng mới khai phá, tương đương cấp huyện), ở Dinh Long Hồ chỉ có một châu Định Viễn. Dưới châu là các đạo: Đông Khẩu ở Sa Đéc, Tân Châu ở Tiền Giang và Châu Đốc ở Hậu Giang, đứng đầu đạo có quan võ cấp cai cơ (hoặc cai đội) và thư ký. Dưới đạo là các thuộc (ngang hàng với cấp tổng), ở Dinh Long Hồ thời chúa Nguyễn gồm có các thuộc như: thuộc Đẹp ở xã Long Trung (huyện Cai Lậy), thuộc Nhiêu ở xã Dưỡng Điểm (huyện Châu Thành – Tiền Giang), thuộc Bà Lai, Bà Kiến... có thể xem đây là đơn vị hành chính khá quan trọng của Dinh Long Hồ thời các chúa Nguyễn, do các chức Cai tri và Đốc áp quản lý. Đơn vị thôn ngang hàng với trang, trại, man, nậu do các Trưởng thôn đứng đầu, đây được xem là đơn vị hành chính cấp cơ sở chủ yếu và quan trọng nhất ở Dinh Long Hồ dưới thời chúa Nguyễn. Với việc thực hiện mô hình quản lý cấp thôn sẽ mang lại hiệu quả hơn nhiều so với mô hình một xã có nhiều thôn sẽ rất khó quản lý vùng đất rộng lớn như Dinh Long Hồ. Mặt khác, chúa Nguyễn cũng đã cho thành lập các trang, trại, man, nậu ở Dinh Long Hồ còn với mục đích là nhằm quy tụ dân chúng theo nghề nghiệp để chúa Nguyễn thuận tiện cho việc quản lý và thu thuế “*đất Vĩnh Long xưa vốn là đất Tầm Bào bắt đầu*

bản triều kinh lý phương Nam, đặt phủ Gia Định, mộ dân đến ở, lại lập trang, trại, man, nậu để có thống thuộc” [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992].

Tổ chức bộ máy hành chính của Dinh Long Hồ dưới thời các chúa Nguyễn trong giai đoạn đầu còn đơn giản, chưa chặt chẽ thích hợp cho một vùng đất mới khai phá và xa xôi của xứ Đàng Trong, điển hình là việc chưa hình thành nên các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tổng. So với hai dinh Phiên Trấn và Trấn Biên thì tổ chức hành chính ở Dinh Long Hồ còn nặng tính chất quân sự hơn nhằm đảm bảo quyền lực của chính quyền chúa Nguyễn đối với tính chất mở rộng liên tục ở các vùng đất. Tiến trình khai khẩn Dinh Long Hồ đã diễn ra một cách hòa bình và từng bước. Đây vừa là quá trình tự khai phá của lưu dân tự do người Việt, vừa lại được sự ủng hộ và hậu thuẫn về chủ trương, chính sách của các chúa Nguyễn không chỉ thúc đẩy quá trình mở đất mà còn là quá trình di dân của người Việt về vùng Dinh Long Hồ ngày càng nhiều hơn góp phần hợp pháp hóa chủ quyền của chúa Nguyễn đối với vùng đất vô chủ này.

2.3 Vai trò kết nối kinh tế của Dinh Long Hồ dưới thời các chúa Nguyễn

Quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Dinh Long Hồ cũng là quá trình xác lập chủ quyền và không ngừng lớn mạnh của chính quyền chúa Nguyễn ở đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua quá trình khai khẩn và canh tác, vùng đất này dần được mở rộng hơn với việc sáp nhập đất Tầm Phong Long năm 1757, lập nên châu Định Viễn và các đạo Đông Khâu (Sa Đéc), Tân Châu (Tiền Giang), Châu Đốc (Hậu Giang) được xem như là một thắng lợi to lớn cho sự hoàn thành công cuộc mở đất ở Nam Bộ và mở mang lãnh thổ về phía Nam của Đại Việt bằng con đường hòa bình. Trên cơ sở đó, chúa Nguyễn đã thiết lập bộ máy hành chính mới nơi đây không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy vùng Dinh Long Hồ sớm vươn lên với vai trò quan trọng là gắn kết được các hoạt động kinh tế hàng hóa của cả đồng bằng sông Cửu Long thời bấy giờ.

Thiên nhiên nơi này có nhiều ưu đãi về khí hậu, thổ nhưỡng và sông ngòi chằng chịt thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp “*đất đai vùng này hết sức phì nhiêu, có nhiều cồn nổi, nước chảy vòng quanh, hai bên đều có dân cư, phía trước là vườn, đằng sau là ruộng...*” [Đỗ Quỳnh Nga, 2013]. Bên cạnh đó, các chính sách của chúa Nguyễn đã tạo điều kiện cho chế độ tư hữu ruộng đất phát triển nên nông nghiệp của vùng Dinh Long Hồ đã có những bước chuyển mình nhanh chóng. Từ một vùng sinh lầy, hoang vu “*cây rừng rậm rạp, trâu rừng hàng đàn*” hoặc “*quanh hiu, hoang mạc*” [Hội Khoa học Lịch sử Tp. Hồ Chí Minh, 2004] đã được khai phá thành một vùng đồng ruộng mênh mông “*châu Định Viễn dân hơn 7000 đình, ruộng hơn 7000 thửa*” [Đỗ Quỳnh Nga, 2013], vì thế nơi đây sớm trở thành vựa lúa của Đàng Trong góp phần hình thành một nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh với thị trường nông sản dồi dào “*đất ruộng phì nhiêu, mênh mông bát ngát, nhiều người lấy việc canh nông làm gốc, trong nhà lúa gạo đầy vựa... Ở trấn Vĩnh Thanh, ruộng đất béo tốt nên một học thu hoạch được 300 hộc*” [Trịnh Hoài Đức, 1999]. Hay như “*Hết thày là đồng ruộng, nhìn bát ngát, rộng phẳng như thế đấy, rất hợp trồng lúa; lúa nếp tẻ, gạo trắng dẻo*” và cũng có thể “*Ngoài đồng do đất đai màu mỡ, cỏ mọc rậm rạp nên cá sinh rất nhiều, nhiều nhất là cá chuối, nên khi nói nơi mà lúa gạo, cua cá ăn không hết chính là Vĩnh Trấn vậy*” [Đỗ Quỳnh Nga, 2013]. Nhờ có thiên nhiên ưu đãi và được sự quan tâm đúng mức từ các chính sách phát triển của các nhà nước, nông nghiệp của vùng Dinh Long Hồ đã trở thành thế mạnh kinh tế ở Đàng Trong vào thế kỉ XVIII “*Ruộng các huyện thuộc Tân Bình, Phúc Long, Quy An, Quy Hóa có cày để cấy; cấy 1 hộc thóc giống thì gặt được 100 hộc thóc; thuộc Tam Lạch, trại Bả Canh, châu Định Viễn thì ruộng không cày, phát cỏ rồi cấy, cấy 1 hộc thóc thì gặt được 300 hộc*” [Đỗ Quỳnh Nga, 2013]. Sự phát triển nông nghiệp ở Dinh Long Hồ đã tạo bước ngoặt rất lớn đối với kinh tế Đàng Trong. Nông nghiệp nơi đây không còn mang yếu tố tự cung tự cấp mà đã trở thành đối tượng quan trọng của nền kinh tế hàng hóa trong khu vực. Tại nơi đây, lưu dân người Việt đã mở đầu cho công cuộc khai phá đất hoang, thực hiện cuộc *cách mạng nông nghiệp* đầu tiên ở đồng bằng sông Cửu Long.

Dinh Long Hồ của các lưu dân người Việt với ưu thế về kinh tế nông nghiệp thì Mỹ Tho đại phố của các thương nhân người Hoa do Dương Ngạn Địch cai quản và Hà Tiên nam phố do dòng họ Mạc quản lý với nền kinh tế chủ lực là thương nghiệp đã trở thành những mắc xích quan trọng trong thế chân kiềng tam giác kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long. Mỹ Tho đại phố đã sớm thiết lập được thương cảng đầu tiên ở vùng Tây Nam bộ, trở thành nơi giao lưu buôn bán nhộn nhịp và sầm uất với “*Phía nam lý sở là phố chợ Mỹ Tho, nhà ngói đục chạm, chèo đi lại như mắc cửi, phồn hoa huyền ảo là một nơi đại đô hội*” [Trịnh Hoài Đức, 1999]. Trong khi đó, Hà Tiên nam phố đã để lại dấu ấn đậm nét về kinh tế thương nghiệp “*Hà Tiên và toàn bộ dải đất duyên hải cực Nam cùng các đảo ven bờ và ngoài khơi nhanh chóng hồi sinh, hội tụ dân lưu tán, trở thành một trong bốn trung tâm thương mại hàng đầu của Nam Bộ và giữ vị trí không thể thay thế trong giao thương quốc tế trên bờ vịnh Thái Lan*” [dẫn theo Đỗ Quỳnh Nga, 2013]. Như thế, Dinh Long Hồ với trọng điểm là kinh tế nông nghiệp được thực hiện bởi cuộc *cách mạng nông nghiệp* do lưu dân người Việt thì các tộc người Hoa (ở Quảng Đông – Phúc Kiến – Hải Nam...) lần lượt nhập cư vào Mỹ Tho và Hà Tiên bằng việc tập trung vào hoạt động thương mại đã khởi đầu cho cuộc *cách mạng tiền công nghiệp* tạo nên được sức mạnh nội sinh kinh tế thương nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long. Nền nông nghiệp ổn định của Dinh Long Hồ đã gắn kết mật thiết với nền thương nghiệp hưng thịnh của Mỹ Tho đại phố và Hà Tiên nam phố để hòa chung vào guồng máy kinh tế hàng hóa của Đảng Trong tạo nên sự trao đổi sản phẩm nông sản có giá trị về chất lượng và phong phú về số lượng trong thị trường khu vực Nam Bộ và với bên ngoài, khiến cho hoạt động kinh tế nói chung và nông nghiệp nơi đây phát triển nhanh chóng và sớm trở thành vựa lúa của Nam Bộ và cả Đảng Trong thời bấy giờ.

Quá trình khai khẩn đất đai ở Dinh Long Hồ còn tạo nên sự “*đột phá khâu*” mới cho sự phát triển ngoại thương. Nếu vùng Dinh Long Hồ không sớm định hình và phát triển về nông nghiệp thì hoạt động thương nghiệp ở Mỹ Tho và Hà Tiên phát triển một cách rời rạc khó tạo nên tuyến đường thương mại nối liền. Sự khai phá và hình thành kinh tế nông nghiệp ở nơi đây đã tạo được bước đệm và xây dựng được cầu nối giao thương giữa nông nghiệp, thương nghiệp và giao thông vận tải quan trọng gắn kết giữa Mỹ Tho và Hà Tiên, rút ngắn “*khoảng cách kinh tế*” để cùng với vùng nông nghiệp Dinh Long Hồ tạo nên sức mạnh nội lực cho kinh tế của Đảng Trong vào các thế kỷ XVII – XVIII. Ngược lại, sự phát triển thịnh vượng của hoạt động thương nghiệp của Mỹ Tho và Hà Tiên đã tạo nên mạng lưới thương mại quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự phát triển nông nghiệp của Dinh Long Hồ đáp ứng được nhu cầu trao đổi nông sản, đặc biệt là lúa gạo cho đồng bằng sông Cửu Long thời bấy giờ. Mối quan hệ chặt chẽ của cầu nối kinh tế này ở đồng bằng sông Cửu Long với Nông Nại đại phố và Bến Nghé – Gia Định tạo thành một luồng thương mại giúp các chúa Nguyễn có thêm lối thoát kinh tế đủ sức đối đầu với Đảng Ngoài, tạo nên thế cân bằng trong một thời gian dài.

Qua quá trình mở đất và xây dựng chủ quyền ở vùng Dinh Long Hồ dưới thời chúa Nguyễn còn định hình cho lợi ích kinh tế lâu dài ở vùng đồng bằng này về sau, tức là xây dựng được tiền đề vững chắc cho sự phát triển của kinh tế hàng hóa và đô thị của nước ta trong các thế kỷ sau. Vĩnh Long – một thời là thủ phủ của vùng Dinh Long Hồ trước đây đã sớm thoát ra được mô hình kinh tế tự cung tự cấp, hướng tới nền kinh tế hàng hóa thị trường nhờ vào hoạt động sản xuất và buôn bán hàng hóa sớm phát triển nên ở vùng Nam Bộ nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng đã xuất hiện các thị tứ và các tụ điểm buôn bán sôi nổi và sầm uất song song với mạng lưới các chợ cũng sớm được hình thành như chợ Cái Bè, chợ Long Hồ, chợ Mỹ Quý, chợ Cù Úc (chợ Hưng Lợi), chợ Trà Vinh, chợ Ba Vát, chợ Mỹ Lồng, chợ Sa Đéc... và mặt hàng ở các phố chợ luôn dồi dào các hàng nông, lâm và thủy sản... như vậy đã góp phần làm thay đổi cảnh quan và đời sống xã hội nơi vùng đất này. Cho đến hôm nay, Vĩnh Long tuy không còn ở vị trí trung tâm hành chính – chính trị nhưng vẫn giữ được vị trí trung tâm về kinh tế nông nghiệp trọng điểm phía nam của nước ta với vựa lúa và miệt vườn cây ăn trái góp phần gắn kết và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ với các tỉnh nông sản xung quanh như Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ. Dinh Long Hồ khi xưa, nòng cốt là Vĩnh Long hôm nay còn là nhịp cầu kinh tế thúc đẩy nông nghiệp các tỉnh bạn phát triển mạnh mẽ và vươn lên tầm cao

mới hướng ngoại xuất khẩu tới thị trường các nước Âu – Mỹ đồng thời qua đó còn kích cầu thương mại ở các cụm cảng của đồng bằng sông Cửu Long.

Quá trình khai khẩn và mở rộng vùng đất Dinh Long Hồ không chỉ tạo ra động lực mới mẽ cho sự gắn kết và phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long mà trải qua các hoạt động giao thương kinh tế hàng hóa trong và ngoài đồng bằng còn làm xuất hiện quá trình giao lưu văn hóa vùng miền, văn hóa các dân tộc góp phần định hình và thay đổi đời sống văn hóa của cư dân vùng sông nước Cửu Long nói chung. Điều đó được chứng minh rằng càng đi vào vùng đất Nam Bộ, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long thì ảnh hưởng của văn hóa Nam Á càng đậm nét hơn trong sinh hoạt kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo như thờ mẫu, Phật giáo tiêu biểu đồng thời các yếu tố “*Hán hóa*” càng mờ nhạt dần hoặc chỉ ít cũng đã có sự biến đổi và dung hòa cho phù hợp với vùng đất mới để tạo nên văn hóa và tính cách riêng của người Nam Bộ nói chung. Điều đặc biệt là ngay từ buổi ban đầu khai phá đất đai đã có sự cộng cư hỗn hợp của nhiều dân tộc như người Khmer, người Hoa, người Chăm và lưu dân người Việt sống xen kẽ và hòa hợp với nhau tạo nên bản sắc văn hóa – tôn giáo đa dạng và phong phú nhưng rất hài hòa của vùng đất này – đây là nét khác biệt đặc trưng về văn hóa mà chúng ta hiếm thấy ở bất cứ vùng nào trên đất nước. Ngày nay, vùng đất Dinh Long Hồ đã đi vào quá khứ nhưng sự trường tồn của đời sống văn hóa tinh thần – tôn giáo của cộng đồng Việt – Khmer – Chăm – Hoa đã và đang diễn ra và ngày càng gắn bó chặt chẽ với nhau. Trên vùng đất Long Hồ xưa kia như vùng Trà Vinh – Sóc Trăng – Bạc Liêu cả người Việt – Khmer – Hoa đều ăn Tết Nguyên Đán và Tết Chol Chnam Thmay hay như kiểu cư trú truyền thống của người Khmer nhưng người Việt ở Đồng Tháp, người Chăm ở Châu Đốc – An Giang vẫn sử dụng... tất cả đã tạo nên sự giao lưu và giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc, điều đó không chỉ làm giàu thêm bản sắc văn hóa mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng nét văn hóa kinh doanh của mỗi cộng đồng dân tộc trên vùng đất này trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai mai sau.

3. Kết luận

Năm 1732, Dinh Long Hồ được thành lập cũng đã chính thức hợp pháp hóa chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng đất Long Hồ dinh. Bằng óc sáng tạo và sự cần cù lao động, không quản ngại gian khổ của các lưu dân người Việt, họ đã biến Dinh Long Hồ từ một vùng đất hoang vu, cây rừng rậm rạp trở thành một vùng đất phì nhiêu của nền nông nghiệp, đã sớm trở thành vựa lúa của Đàng Trong lúc bấy giờ. Không chỉ dừng lại ở đó, với thế mạnh về nông nghiệp của mình, vùng đất Dinh Long Hồ đã sớm biết phát huy tốt vai trò là vị trí trung tâm, là cầu nối để gắn kết kinh tế hai vùng thương mại Mỹ Tho và Hà Tiên tạo nên những mạch xích quan trọng trong mạng lưới mậu dịch tập nập và sôi nổi ở đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với quá trình khai phá đất đai là quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp một cách ổn định, Dinh Long Hồ đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và Đàng Trong nói chung phát triển mạnh mẽ vào các thế kỉ XVIII – XIX. Do vậy có thể ví von vùng đất Long Hồ dinh tựa như “*đòn gánh kinh tế nông nghiệp*” của đồng bằng sông Cửu Long dưới thời các chúa Nguyễn. Lịch sử đã sang trang nhưng bài học về quá trình mở đất ở Nam Bộ nói chung và Dinh Long Hồ nói riêng của các chúa Nguyễn vẫn còn nguyên giá trị cho các thế hệ hôm nay vận dụng vào việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của vùng đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Tịnh Paulus Của (1895), *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Imprimerie REY, CURIOL & C^{ie}, Sai Gon.
2. Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia Định thành thông chí*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
3. Hội Khoa học Lịch sử Tp. Hồ Chí Minh (2004), *Nam Bộ - Đất & Người*, Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Huỳnh Lứa (chủ biên) (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí tập 5*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.